

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI  
TỈNH QUẢNG NGÃI**

Bản án số: 41/2021/HNGĐ - ST

Ngày: 30/9/2021

V/v “Ly hôn, tranh chấp  
về nuôi con”

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI, TỈNH QUẢNG NGÃI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Ly;

- Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đình Dũng;

2. Bà Nguyễn Thị Song Trà;

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Đinh Văn Dương là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa:** Ông Trần Hoàng Hưng- Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 203/2021/TLST-HNGĐ ngày 25/5/2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 106/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 16/8/2021, Thông báo về việc dùng phiên tòa số 87/TB-TA ngày 01/9/2021, Thông báo số 111/TB-TA ngày 13/9/2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Đoàn Thị Thu P sinh năm 1992; địa chỉ: thôn A, xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi, có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1988; địa chỉ: Tổ dân phố Q, phường Tr, thành phố QNg, tỉnh Quảng Ngãi, có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Theo Đơn khởi kiện đề ngày 04/5/2021, Đơn khởi kiện bổ sung đề ngày 12/5/2021, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà Đoàn Thị Thu P trình bày:*

Bà và ông Nguyễn Văn T tự nguyện tìm hiểu, đăng ký kết hôn ngày 28/7/2017 tại Ủy ban nhân dân phường Tr, thành phố QNg, tỉnh Quảng Ngãi. Vợ chồng chung sống hạnh phúc tại nhà cha mẹ đẻ của ông T tại tổ dân phố Q, phường Tr, thành phố QNg, tỉnh Quảng Ngãi được một thời gian thì thường xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do ông T chơi bời lêu lổng, ham mê cờ bạc gây nợ nần riêng, không có trách nhiệm chăm lo cho gia đình, mặc dù bà P khuyên can nhiều lần nhưng ông T không sửa đổi, từ tháng 02/2019 bà P ôm con về nhà cha mẹ đẻ sống, hai vợ chồng ly thân từ đó đến nay, không quan tâm, qua lại mà phần ai nấy sống nay tình cảm vợ chồng giữa bà và ông T đến nay không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên bà yêu cầu Tòa giải quyết cho bà được ly hôn với ông T.

Về con chung: Bà và ông T có một người con chung tên Nguyễn Đoàn Quang M sinh ngày 26/12/2017, cháu M đang ở với bà. Khi ly hôn bà yêu cầu được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Trường hợp ông T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con thì bà đồng ý.

Về tài sản chung: Bà và ông T tích góp và được hai bên gia đình cho tổng cộng 70.000.000 đồng, bà là người giữ số tiền này nhưng khi sinh con và nuôi con đã sử dụng hết, bà có thông báo cho ông T biết bà đã sử dụng hết tiền chung, ông T không có ý kiến gì, nay tài sản chung không còn, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà P trình bày bà và ông T không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*\* Tại bản tự khai ngày 27/9/2021, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông Nguyễn Văn T trình bày:*

Ông thống nhất với phần trình bày của bà P về quá trình tìm hiểu, kết hôn, con chung, tài sản chung, nợ chung.

Về quan hệ hôn nhân: Vợ chồng ông bắt đầu phát sinh mâu thuẫn trầm trọng từ cuối năm 2020, nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không còn tiếng nói chung, vợ chồng đã ly thân, phần ai nấy sống, không quan tâm đến nhau nữa. Nay bà P yêu cầu được ly hôn với ông, ông đồng ý ly hôn.

Về con chung: Ông giao con chung là cháu Nguyễn Đoàn Quang M sinh ngày 26/12/2017 cho bà P trực tiếp nuôi dưỡng, ông tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng số tiền 1.500.000 đồng, bắt đầu từ tháng 10/2021 cho đến khi cháu M đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông và bà P không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*\*Ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi tại phiên tòa:* Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tuân theo đúng pháp luật tố tụng dân sự về xác định quan hệ pháp luật, tư cách đương sự, thẩm quyền, thời hạn chuẩn bị xét xử, xác M thu thập chứng cứ, thời hạn tổng đạt các văn bản tố tụng, gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, trình tự, thủ tục phiên tòa; nguyên đơn tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; bị đơn không tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn, bà Đoàn Thị Thu P được ly hôn với ông Nguyễn Văn T, giao cháu Nguyễn Đoàn Quang M sinh ngày 26/12/2017 cho bà P trực tiếp nuôi dưỡng, ghi nhận ông T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng số tiền 1.500.000 đồng, bắt đầu từ tháng 10/2021 cho đến khi cháu M đủ 18 tuổi, tài sản chung và nợ chung không có, bà P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Ông T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Xét về quan hệ hôn nhân: Bà P và ông T tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Tr, thành phố QNg vào ngày 28/7/2017 nên đây quan hệ hôn nhân hợp pháp. Tại phiên tòa, bà P và ông T thống nhất trình bày trong quá trình chung sống vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng, không còn sống chung, yêu thương, chăm sóc nhau mà đã ly thân, phần ai nấy sống, cùng mong muốn được ly hôn. Theo Biên bản xác M ngày 06/8/2021 tại trụ sở Ủy ban nhân dân phường Trương Quang Trọng, thành phố Quảng Ngãi thì đại diện chính quyền địa phương xác nhận “Ông Nguyễn Văn T và bà Đoàn Thị Thu P là công dân cư trú tại tổ dân phố Q, phường Tr, thành phố QNg, tỉnh Quảng Ngãi. Trong thời gian cư trú ở địa phương, ông T và bà P có xảy ra mâu thuẫn hay không thì chính quyền không nắm rõ, vì họ không báo cáo chính quyền”. Căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự, xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Xét về con chung: Bà P và ông T có một người con chung là Nguyễn Đoàn Quang M sinh ngày 26/12/2017, cháu hiện đang sống bà P. Bà P khai bà đang bán hàng trực tuyến có thu nhập hàng tháng ổn định, có khả năng đảm bảo nuôi con, cháu M còn nhỏ đang sống với mẹ, ông T thống nhất giao cháu M cho bà P trực tiếp nuôi dưỡng. Vì vậy để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của cháu M, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu trực tiếp nuôi con của bà P. Về phân cấp dưỡng, ghi nhận ông T tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu M mỗi tháng 1.500.000 đồng, thời gian cấp dưỡng T từ tháng 10/2021 cho đến khi cháu M đủ 18 tuổi. Ông T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Bà P và ông T thống nhất trình bày không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[4] Về án phí: Bà P phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về quan hệ hôn nhân. Ông T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con.

[5] Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận;

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ vào Điều 19, khoản 1 Điều 56, 81, 82, 83, 110, 116 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, 144, 147, 227, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đoàn Thị Thu P về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

2. Bà Đoàn Thị Thu P được ly hôn ông Nguyễn Văn T.

3. Giao cháu Nguyễn Đoàn Quang M sinh ngày 26/12/2017 cho bà P trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của ông T cấp dưỡng nuôi cháu M mỗi tháng 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng), thời gian cấp dưỡng từ tháng 10/2021 cho đến khi cháu M đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn ông T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

4. Bà Đoàn Thị Thu P phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ 300.000 (Ba trăm nghìn đồng) bà Đoàn Thị Thu P đã nộp tạm ứng theo biên lai thu số AA/2018/0007007 ngày 18/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

Ông Nguyễn Văn T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

5. Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

6. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

7. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 482 của Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND.TP.Quảng Ngãi;
- CCTHADS.TP.Quảng Ngãi;
- UBND xã Tịnh An;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Thúy Ly**

